

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DSST
Ngày: 31-3-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thanh Ngọc.

Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thảo Yến và bà Nguyễn Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Hạp Thị Thu Thủy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2021/TLST – DS ngày 13 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-DS ngày 09/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST-DS ngày 24/3/2022 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội; Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đàm Lê V – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bắc Ninh;

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Hoàng Trọng C – Chức vụ: Phó giám đốc chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh B, Địa chỉ: Số 02; đường Phù Đổng Thiên Vương, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Theo Quyết định ủy quyền số 578/QĐ-NHCS ngày 28/8/2020, có mặt).

Bị đơn: Anh Trần Văn V, sinh năm 1981; HKTT: Khu Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị Mai H, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ 5, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/4/2012 anh Trần Văn V ký giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vay vốn, chương trình cho vay hộ nghèo kiêm hợp đồng tín dụng, phê duyệt ngày 24/4/2012 với Ngân hàng chính sách xã hội vay số tiền 26.000.000 đồng; mục đích vay: để thực hiện phương án chăn nuôi và xây dựng chuồng trại; lãi suất vay: 0,65%/tháng; lãi suất quá hạn: 130% lãi suất khi cho vay; Thời hạn vay: 60 tháng; Kỳ hạn trả nợ: 12 tháng/lần; Số tiền trả nợ: 5.500.000 đồng/lần; Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày 12/4/2017; Lãi vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 12.

Sau khi ký hợp đồng, anh Viễn đã được Ngân hàng giải ngân số tiền 26.000.000 đồng. Thực hiện hợp đồng, anh Viễn đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền lãi là 1.616.767 đồng, kể từ sau ngày 31/10/2013 cho đến nay, anh Viễn đã không thanh toán khoản nợ nào mặc dù phía Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc để trả nợ.

Tại thời điểm vay vốn thì chị Phạm Thị Mai H, anh Trần Văn V vẫn là vợ chồng và chị Hương có nhân khẩu trong khẩu nhà anh Viễn. Vậy, Ngân hàng chính sách xã hội đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc anh Trần Văn V, chị Phạm Thị Mai H cùng có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng với tổng số tiền là: 45.746.291 đồng, trong đó: nợ gốc: 26.000.000 đồng; lãi trong hạn kể từ ngày vi phạm tính đến ngày 12/4/2017 là 8.596.466 đồng; lãi quá hạn kể từ ngày 12/4/2017 tạm tính đến ngày 30/6/2021 là 11.149.825 đồng. Trong thời gian chưa thanh toán nợ, anh Viễn phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi tất toán khoản vay.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/02/2022 anh Trần Văn V trình bày: Anh Viễn xác định năm 2012 anh có nhu cầu vay vốn và gia đình đủ điều kiện để vay Ngân hàng chính sách nên ngày 08/4/2012 anh ký giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vay vốn, chương trình cho vay hộ nghèo kiêm hợp đồng tín dụng, phê duyệt ngày 24/4/2012 với Ngân hàng chính sách xã hội vay số tiền 26.000.000 đồng; mục đích vay: để thực hiện phương án chăn nuôi và xây dựng chuồng trại; lãi suất: 0,65%/tháng; lãi suất quá hạn: 130% lãi suất khi cho vay; Thời hạn cho vay: 60 tháng; Kỳ hạn trả nợ: 12 tháng/lần; Số tiền trả nợ: 5.500.000 đồng/lần; Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày 12/4/2017; Lãi vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 12. Anh xác định tại thời điểm vay anh và chị Phạm Thị Mai H đã ly hôn nên chị Hương không biết và không liên quan đến việc anh vay Ngân hàng chính sách. Quá trình vay vốn, anh đã thanh toán một phần tiền lãi, còn số nợ gốc anh chưa thanh toán được khoản nào. Nay Ngân hàng chính sách yêu cầu anh và chị Hương phải thanh toán số nợ gốc là 26.000.000 đồng và số tiền lãi tạm tính đến ngày 30/6/2021 là 19.746.291

đồng thì do tình hình sức khỏe của anh không đảm bảo dẫn đến kinh tế khó khăn nên hiện anh không có đủ khả năng thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng.

Phía người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Mai H đã được Tòa án tổng đạt những thông báo, quyết định tố tụng nhưng không có văn bản ghi ý kiến gửi Tòa án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Khi vay vốn Ngân hàng chính sách ủy thác các tổ chức chính trị xã hội, địa phương xác minh. Ngân hàng không nhận được báo cáo về việc anh Viễn, chị Hương đã ly thân và đang làm thủ tục ly hôn tại thời điểm vay vốn. Vậy, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc anh Trần Văn V, chị Phạm Thị Mai H thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội số nợ gốc là 26.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn kể từ ngày 25/4/2012 đến ngày 12/4/2017 là $26.000.000đ \times 7,8\%/năm \times 1813 \text{ ngày} = 10.213.233 \text{ đồng}$; lãi quá hạn tính từ ngày 12/4/2017 tạm tính đến ngày 30/6/2021 là $26.000.000đ \times 10,14\%/năm \times 1540 \text{ ngày} = 11.149.825 \text{ đồng}$. Anh Viễn đã thanh toán được một phần tiền lãi trong hạn là 1.616.767 đồng. Tổng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 30/6/2021 là 45.746.291 đồng.

Bị đơn vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hương: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội về việc yêu cầu chị phải có trách nhiệm cùng anh Viễn thanh toán tiền cho Ngân hàng. Chị và anh Viễn đã ly thân từ tháng 4/2011 khi chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở Thái Nguyên sinh sống. Năm 2012 thời điểm anh Viễn vay vốn chị và anh Viễn đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố B nên việc anh Viễn ký hợp đồng tín dụng để vay Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 26.000.000 đồng và sử dụng số tiền vay trên vào mục đích gì thì chị không biết, anh Viễn cũng không nói cho chị biết. Chị cũng không cùng anh Viễn sử dụng chung số tiền trên. Vì vậy, chị không có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ trên. Anh Viễn vay thì anh Viễn có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm

bảo theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 290, 389, 401, 405 Bộ luật dân sự 2005; Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Trần Văn V thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội số nợ tạm tính đến ngày 30/6/2021 là 45.746.291 đồng, trong đó số dư nợ gốc là 26.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 8.601.466 đồng, số tiền lãi quá hạn là 11.149.825 đồng.

Anh Trần Văn V tiếp tục phải chịu lãi theo hợp đồng kể từ ngày 30/6/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Anh Viễn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Xét chủ thể tham gia giao kết hợp đồng tín dụng, mục đích của hợp đồng tín dụng thấy, việc ký kết hợp đồng giữa một bên là tổ chức tín dụng có tư cách pháp nhân với 01 bên là cá nhân và mục đích vay là để chăn nuôi và xây dựng chuồng trại nên tranh chấp giữa các bên là tranh chấp dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố B nên căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

- Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ, đúng quy định các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Ngày 08/4/2012 anh Trần Văn V ký giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vay vốn, chương trình cho vay hộ nghèo kiêm hợp đồng tín dụng, phê duyệt ngày 24/4/2012 với Ngân hàng chính sách xã hội vay số tiền 26.000.000 đồng; mục đích vay: để thực hiện phương án chăn nuôi và xây dựng chuồng trại; lãi suất vay: 0,65%/tháng; lãi suất quá hạn: 130% lãi suất khi cho vay; Thời hạn vay: 60 tháng; Kỳ hạn trả nợ: 12 tháng/lần; Số tiền trả nợ: 5.500.000 đồng/lần; Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày 12/4/2017; Lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 12. Ngày 24/4/2012 Ngân hàng chính sách đã giải ngân, anh Viễn đã nhận số tiền vay.

Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình vay anh Viễn chỉ thanh toán được tiền lãi đến ngày 31/10/2013 tổng cộng là 1.616.767 đồng. Từ tháng 10/2013 đến nay không thanh toán gì thêm. Như vậy, anh Viễn đã liên tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tại thời điểm vay vốn, anh Viễn và chị Hương đang giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố B. Anh Viễn, chị Hương đều xác nhận chị Hương không biết và không liên quan đến việc anh Viễn vay Ngân hàng chính sách. Theo Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập hoặc nghĩa vụ do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Mà giao dịch với Ngân hàng chính sách xã hội do một bên anh Viễn xác lập. Anh Viễn chị Hương đã ly thân từ tháng 4/2011 khi chị Hương bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thái Nguyên sống. Ngày 09/4/2012 Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý yêu cầu xin ly hôn anh Viễn của chị Hương, đến ngày 11/5/2012 ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự nên khoản vay của anh Viễn cũng không nhằm đáp ứng nhu cầu gia đình giữa anh Viễn chị Hương. Do đó, Hội đồng xét xử xác định anh Viễn có nghĩa vụ riêng đối với Ngân hàng chính sách xã hội. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần, cần buộc anh Viễn phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền cụ thể như sau:

Số tiền gốc: 26.000.000 đồng.

Lãi trong hạn: 8.596.466 đồng.

Lãi quá hạn tạm tính đến ngày 30/6/2021: 11.149.825 đồng.

Tổng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 30/6/2021 là: 45.746.291 đồng.

Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu kể từ ngày 30/6/2021 anh Viễn không trả được nợ thì phải trả lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ. Xét yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điểm b khoản 1 Điều 39, 184, 147, 227, 228, 235, 243, 264, 266, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 290, 389, 401, 405 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội.

Buộc anh Trần Văn V thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền tạm tính đến ngày 30/6/2021 là 45.746.291 đồng. Trong đó số nợ gốc là : 26.000.000 đồng; Số tiền lãi trong hạn là: 8.596.466 đồng; Số tiền lãi quá hạn là: 11.149.825 đồng.

Anh Viễn tiếp tục phải chịu lãi suất đối với số tiền nợ gốc chậm thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 30/6/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Về án phí: Anh Trần Văn V phải chịu 2.287.315 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết kết quả bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh
- VKSND, THA thành phố
- Người tham gia tố tụng
- Lưu HS, VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thanh Ngọc

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thảo Yên

Nguyễn Thị Liên

Đỗ Thanh Ngọc